

Số: 425/QĐST–HNGĐ

*Gò Công Tây, ngày 28 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thụy Ngọc P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn K và chị Phạm Thụy Ngọc P.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về con chung*: Anh K và chị P thỏa thuận giao cháu Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 08/7/2006 và Trần Minh Đ, sinh ngày 06/5/2013 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh K và các thành viên trong gia đình anh K không được ngăn cản.

\* *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị P cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu Đ hàng tháng mỗi cháu 500.000 đồng. Thời gian bắt đầu việc cấp dưỡng là từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu N, cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

\* *Về tài sản chung:* Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về nợ chung:* Anh, chị xác định không có nợ chung.

\* *Về án phí:* Anh K tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016972 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên anh K đã nộp xong án phí.

Chị P không phải nộp án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Kiều Oanh**